



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VÙNG TRUNG BỘ

TẠP CHÍ

KHOA HỌC XÃ HỘI MIỀN TRUNG

Central Vietnamese Review of Social Sciences

05(73) 2021

ISSN 1859-2635

TỔNG BIÊN TẬP

TS. Hoàng Hồng Hiệp

HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP

PGS.TS. Bùi Đức Hùng (Chủ tịch)

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ

GS.TS. Nguyễn Xuân Thắng

Bí thư BCH Trung ương Đảng

Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

GS.TS. Nguyễn Chí Bền

Viện Văn hóa Nghệ thuật Việt Nam

GS.TS. Trần Thọ Đạt

Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

GS.TS. Phạm Văn Đức

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

TS. Hoàng Hồng Hiệp

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ

GS.TS. Nguyễn Xuân Kính

Viện Nghiên cứu Văn hóa

GS.TS. Eric Iksoon Im

University of Hawaii – Hilo, Hoa Kỳ

GS.TS. Đỗ Hoài Nam

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

GS.TS. Vũ Bằng Tâm

University of Hawaii – Hilo, Hoa Kỳ

GS.TS. Nguyễn Quang Thuấn

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

GS.TS. Trần Đăng Xuyên

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

BIÊN TẬP TRỊ SỰ

ThS. Châu Ngọc Hòe

CN. Lưu Thị Diệu Hiền

Mục lục

Tư duy cộng đồng trong triết học chính trị của Alasdair Macintyre <i>Nguyễn Hùng Vương, Mai Thị Hồng Liên</i>	3
Chính sách kinh tế, xã hội của triều Nguyễn đối với Campuchia trong nửa đầu thế kỷ XIX <i>Bùi Anh Thư</i>	13
Nghiên cứu tác động của nhân khẩu học đến ý định khởi nghiệp kinh doanh của sinh viên khối ngành kinh tế tại thành phố Đà Nẵng <i>Phạm Quang Tín</i>	22
Phát triển ngành khai thác thủy sản tỉnh Quảng Trị <i>Châu Ngọc Hòe, Nguyễn Hoàng Yến</i>	35
Thực hiện chính sách an sinh xã hội ở thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam <i>Nguyễn Vũ Quỳnh Anh</i>	44
Chùa Quảng Nam thời hiện đại <i>Lê Xuân Thông, Đinh Thị Toan</i>	54
Quan hệ giữa việc xây dựng hình tượng người nghệ sĩ trong tác phẩm văn học và ý thức nghề nghiệp của nhà văn <i>Phạm Thị Thu Hương</i>	66
Tri thức bản địa trong việc khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên rừng của người Giáy <i>Nguyễn Thị Thu Hà, Lương Thanh Thủy</i>	77

Contents

Community thinking in Alasdair Macintyre's political philosophy <i>Nguyen Hung Vuong, Mai Thi Hong Lien</i>	3
Socio-economic policies of the Nguyen dynasty towards Cambodia in the first half of the 19th century <i>Bui Anh Thu</i>	13
An investigation into effects of demographic factors on entrepreneurial intention of economics students in Da Nang city <i>Pham Quang Tin</i>	22
Fisheries development in Quang Tri province <i>Chau Ngoc Hoe, Nguyen Hoang Yen</i>	35
Implementation of social security policies in Dien Ban town, Quang Nam province <i>Nguyen Vu Quynh Anh</i>	44
Buddhist temples in Quang Nam province in modern times <i>Le Xuan Thong, Dinh Thi Toan</i>	54
The relationship between building artist images in literary works and writers' professional awareness <i>Pham Thi Thu Huong</i>	66
The Giay people's local knowledge in the exploitation, utilization, and protection of forest resources <i>Nguyen Thi Thu Ha, Luong Thanh Thuy</i>	77

Tư duy cộng đồng trong triết học chính trị của Alasdair MacIntyre

Nguyễn Hùng Vương

Trường Đại học Ngoại ngữ Đà Nẵng

Mai Thị Hồng Liên

Học viện Chính trị khu vực III

Email liên hệ: philosophy.hv.ud@gmail.com

Tóm tắt: Chúng ta có thể sử dụng cộng đồng như một lăng kính để khám phá chủ nghĩa cộng đồng của Alasdair MacIntyre, đó là những vấn đề lý luận về tự thân, đạo đức và công lý. MacIntyre được biết đến là một triết gia xây dựng thành công khái niệm đạo hạnh (*virtue ethics*) xuyên suốt từ Plato, Aristotle sang Thomas Aquinas và Emmanuel Kant, nối kết cả với Karl Marx gắn liền các công trình nổi tiếng như: *Marxism: An Interpretation*, 1953, *A Short History of Ethics*, 1966, *After Virtue*, 1981 cùng rất nhiều nghiên cứu về hàng loạt chủ đề, bao gồm thần học, triết học Mác, siêu hình học và lịch sử triết học. Điểm đặc biệt trong triết học, MacIntyre chủ trương chúng ta cần ưu tiên cộng đồng hơn cá nhân, phản đối chủ nghĩa tự do cá nhân; trong lý thuyết đạo đức và khẳng định điều tốt cộng đồng phải được ưu tiên hơn quyền cá nhân, chống lại quan điểm của các nhà tự do chủ nghĩa cho rằng quyền được ưu tiên hơn điều tốt. Bên cạnh đó, MacIntyre đề cao nguyên tắc công bằng trong phân phối công lý, chống lại nguyên tắc bình đẳng về quyền của chủ nghĩa tự do. Tuy nhiên, lý luận tự thân, đạo đức và công lý của MacIntyre cũng gặp phải một số khó khăn nhất định không thể vượt qua.

Từ khóa: MacIntyre, chủ nghĩa cộng đồng, phê bình triết học, cộng đồng chính trị, triết học chính trị

Community thinking in Alasdair MacIntyre's political philosophy

Abstract: People can explore Alasdair MacIntyre's Communitarianism, which is called theories of self, ethics, and justice through the prism of community. MacIntyre is known as a philosopher, a key figure in the recent surge of interest in virtue ethics, which was connected to Plato, Aristotle, Thomas Aquinas, Emmanuel Kant, and Karl Marx. His famous works can be listed such as *Marxism: An Interpretation* (1953), *A short history of ethics* (1966), *After Virtue* (1981), and numerous studies on a wide range of topics, including theology, Marxist philosophy, metaphysics, and the history of philosophy. In his theory of self, he advocates that the community should be prioritized over individuals and opposes libertarianism; in moral theory, he asserts that the public benefits must take precedence over individual rights and goes against liberals' viewpoints arguing that the priority of the right over the good. Besides, in the theory of justice, he upholds principles of "justice as fairness" and objects to the principle of equality of rights in liberalism. However, MacIntyre's theories of self, morality, and justice also encountered certain insurmountable difficulties.

Keywords: MacIntyre, communitarianism, philosophical criticism, political community, political philosophy

Ngày nhận bài: 30/06/2021

Ngày duyệt đăng: 01/10/2021

1. Đặt vấn đề

MacIntyre là một nhà nghiên cứu nổi tiếng trong giới triết học trên khắp thế giới với vai trò là đại biểu chính của trào lưu triết học chủ nghĩa cộng đồng đương đại, tư tưởng chính của ông được chia thành hai bộ phận: (1) phê phán không khoan nhượng đối với chủ nghĩa tự do, (2) nghiên cứu để xuất một chủ nghĩa cộng đồng cho riêng mình. Điểm kết nối giữa hai bộ phận này chính là quan niệm của ông về cộng đồng: một mặt, MacIntyre chỉ trích chủ nghĩa tự do thực chất là một loại chủ nghĩa cá nhân, lý luận họ dựa vào cá nhân chứ không phải là cộng đồng, do đó quan điểm này nhất định là sai lầm. Mặt khác, để công khai chống lại các nhà tự do chủ nghĩa, MacIntyre đề xuất một chủ nghĩa cộng đồng của riêng mình, và lý luận này dựa trên nền tảng quan niệm về cộng đồng.

Chúng ta có thể sử dụng cộng đồng như một lăng kính để đi vào tìm hiểu chủ nghĩa cộng đồng của MacIntyre, đặc biệt là lý luận về bản thân, cũng như lý luận về đạo đức và công lý. Điều này đi đến hai mục đích: (i) giúp thấy được sự khác biệt cơ bản giữa chủ nghĩa tự do và chủ nghĩa cộng đồng của MacIntyre đối với các vấn đề lý luận trong ba lý thuyết trên, (ii) tương ứng với lý luận bản thân, đạo đức và công lý, có thể thấy rõ các quan điểm của ông về bản tính con người, khái niệm về điều tốt và nguyên tắc công bằng trong phân phối.

2. Vài nét về triết gia Alasdair MacIntyre

Alasdair Chalmers MacIntyre là triết gia chuyên nghiên cứu về đạo đức và chính trị. Trong hầu hết các nghiên cứu của mình, MacIntyre dành nhiều thời gian và giấy mực xây dựng khái niệm đạo đức học phẩm hạnh (*virtue ethics*), từng xuất hiện trong lịch sử triết học, xuyên suốt từ Plato, Aristotle sang Thomas Aquinas và Emmanuel Kant, nối kết cả với Karl Marx. MacIntyre cùng với Charles Taylor, Amitai Etzioni và M. Sandel - những người đang dẫn dắt hệ tư tưởng chủ nghĩa cộng đồng trên thế giới trong nhiều năm qua. MacIntyre được xem là một trong những nhà tư tưởng đạo đức và chính trị vĩ đại cuối thế kỷ 20 đầu thế kỷ 21, một nhà triết học đồng sáng lập ra chủ nghĩa cộng đồng phương Tây đương đại.

MacIntyre sinh ngày 12 tháng 1 năm 1929, tại thành phố Glasgow nằm phía tây của Scotland. MacIntyre nhận bằng cử nhân tại đại học London vào năm 1949, nhận bằng thạc sĩ triết học vào năm 1951 đại học Manchester và tốt nghiệp tiến sĩ tại đại học Oxford (1961). MacIntyre tham gia giảng dạy tại đại học Manchester, Đại học Leeds, Đại học Oxford và Đại học Essex trước khi di cư sang Hoa Kỳ vào năm 1970. Từ năm 1970, ông tham gia công tác nghiên cứu và giảng dạy triết học tôn giáo và thần học tại các trường Đại học Brandeis, Đại học Boston, Đại học Vanderbilt, Đại học Duke, và Đại học Notre Dame, nghỉ hưu năm 2010.

Trong quá trình nghiên cứu và giảng dạy ở Anh và Hoa Kỳ, MacIntyre đã công bố một số tác phẩm nổi tiếng như sau: "*Marxism: An Interpretation*", 1953; "*The Unconscious*", 1958; "*A Short History of Ethics*", 1966; "*Secularization and Moral Change*", 1967; "*After Virtue*", 1981; "*Three Rival Versions of Moral Inquiry*", 1990; và nhiều bài nghiên cứu về một loạt các chủ đề, bao gồm thần học, chủ nghĩa Mác, siêu hình học, và lịch sử triết học.

Từ những năm 1960, phần lớn các nghiên cứu của MacIntyre liên quan đến lý thuyết đạo đức và xã hội. Trong "*A Short History of Ethics*", ông đã mở cuộc tấn công vào lập trường cho rằng những khái niệm đạo đức là tập hợp những ý tưởng phi thời gian, bất biến và cố định. MacIntyre cho rằng, đạo đức là hiện thân, thành phần cấu tạo của đời sống xã hội, và do vậy nó sẽ thay đổi khi đời sống xã hội thay đổi (MacIntyre, 1998, tr. 159-162). MacIntyre triển khai chi tiết các vấn đề của tính đạo đức hiện đại trong "*After Virtue*" và cho rằng nền đạo đức hiện đại đang trong tình trạng lộn xộn (MacIntyre, 1981, tr. 46-47), nó chẳng còn gì hơn là những mảnh vụn của một sơ đồ khái niệm đã bị cắt đứt với mạch nguồn của nó, cái từng một lần làm cho nó có thể hiểu được, và nếu như tính đạo đức mang một ý nghĩa nào

đó cho chúng ta, thì chúng ta phải lãnh hội lại những điều đã có từ truyền thống Aristotle về triết học đạo đức (MacIntyre, 1981). Hơn nữa, khi xét về bản chất của xã hội của chúng ta cùng sự thống trị của tư tưởng tự do cá nhân là một việc làm thực sự không dễ dàng, nó yêu cầu chúng ta phải nắm bắt lại một số ý tưởng tốt đẹp đã mất. Khái niệm mà MacIntyre gọi là một sự thực hành (a practice), đó là một cuộc hợp tác nhằm truy tìm những điều tốt nội tại. Do đó, MacIntyre khuyên chúng ta cần nắm bắt lại khái niệm về một đời sống nhân loại toàn diện (a whole human life), một ý tưởng mà hiện nay chúng ta đã đánh mất bởi vì bàn giấy hiện đại đã làm cho những mảnh đời của chúng ta không còn đảm bảo tính thống nhất nữa. MacIntyre còn được biết đến như là người đề xuất phục hưng chủ nghĩa cộng đồng cổ điển (classical Communitarianism). MacIntyre ủng hộ quan điểm cá nhân thuộc về cộng đồng, phản đối các loại hình thức chủ nghĩa cá nhân.

Ngoài ra, chủ nghĩa cộng đồng MacIntyre còn tập trung thể hiện trong quan niệm của “mục đích luận” (Teleology). Trong quan điểm của ông, một loại triết học đạo đức và triết học chính trị hợp lý cần phải đặt mục đích lên hàng đầu, bởi vì mục đích có khả năng cung cấp nền tảng và sự thống nhất cần thiết cho lý luận, điều này giống với chủ nghĩa Aristotle. Các lý thuyết đạo đức hiện đại cũng đều thừa nhận đối tượng mà mọi người theo đuổi là “mục đích”, nhưng có sự khác biệt là triết học đạo đức hiện đại thường coi “mục đích” (ends) theo đuổi là điều tốt, khác với điều đó, MacIntyre coi điều tốt là “mục đích” (telos), đồng thời cho rằng loại mục đích này giữ địa vị ưu tiên trong tất cả các mục đích. Có thể khẳng định, những nghiên cứu của MacIntyre có ảnh hưởng to lớn trong xã hội phương Tây đương đại, đặc biệt là tư duy cộng đồng. Tuy nhiên, một số người đã tỏ vẻ nghi ngờ về cách giải thích lịch sử của ông, họ không thấy được rằng tư tưởng đạo đức hiện đại đang nằm trong cảnh hồ độn đến mức như những gì MacIntyre đã từng nói.

3. Lý luận tự thân và vấn đề bản tính con người

Một trong những dấu hiệu cơ bản để phân biệt giữa chủ nghĩa tự do và chủ nghĩa cộng đồng là phải hiểu được quan niệm giữa họ về mối quan hệ giữa cá nhân và cộng đồng. Đối với chủ nghĩa tự do, cá nhân là một thực thể duy nhất và cộng đồng được tạo thành bởi các cá nhân tự do. Giá trị sinh mệnh và sự tồn tại vốn có của cá nhân là không thể bị vượt qua, “cộng đồng hoặc nhà nước không phải là một thực thể, cũng không có sinh mệnh” (Nozick, 1974, tr. 32). Theo nghĩa này, chủ nghĩa tự do chủ trương ưu tiên cá nhân hơn so với cộng đồng. Trái lại, đối với chủ nghĩa cộng đồng, cộng đồng là thực thể, các cá nhân không thể tồn tại mà không có cộng đồng và họ không thể thoát khỏi các cộng đồng mà họ thuộc về. Do đó, chủ nghĩa cộng đồng chủ trương ưu tiên cộng đồng hơn so với cá nhân.

Liên quan đến mối quan hệ giữa cá nhân và cộng đồng, một số nhà tự do chủ nghĩa (như J. Rawls) cũng từng thừa nhận rằng cá nhân không thể tồn tại độc lập và tách biệt với những người khác, và mọi người cần phải thành lập một cộng đồng cho riêng mình. Do đó chúng ta cần chỉ ra rằng, chủ nghĩa cộng đồng chủ trương ưu tiên cộng đồng, quan điểm này về cơ bản không có nghĩa nói rằng các cá nhân nhất định sẽ không sống được nếu không có cộng đồng, mà là theo họ cá nhân sẽ không hiểu được bản sắc nếu đứng ngoài cộng đồng.

Hiểu cá nhân từ khía cạnh cộng đồng có nghĩa là xem xét cá nhân với tư cách là thành viên của cộng đồng. Đối với chủ nghĩa tự do, cá nhân là một thực thể tự chủ, anh ta có khả năng lựa chọn; còn đối với chủ nghĩa cộng đồng thì cá nhân là thành viên của cộng đồng, anh ta có một vị trí xác định trong xã hội. Đối với chủ nghĩa tự do, bản sắc cá nhân thuộc về lĩnh vực siêu hình và nhận thức luận, anh ta có địa vị như những người khác, bất luận danh tính của anh ấy thế nào; đối với chủ nghĩa cộng đồng, bản sắc cá nhân phụ thuộc vào xã hội và lịch sử, danh tính của anh ta được xác định bởi vị trí của anh ta trong cộng đồng. Theo MacIntyre, mỗi cá nhân đều có một vị trí xác định trong cộng đồng: “Tôi là con trai hay con gái của một

ai đó, là anh, em họ hoặc là chú của một người nào khác; là công dân của bang này hoặc của thành phố khác, là thành viên của một bang hội hoặc là đồng nghiệp của ai đó; tôi thuộc về gia tộc này, bộ lạc kia hoặc quốc gia này” (MacIntyre, 1981, tr. 220). Để một cá nhân nhận thức được mình, hoặc được người khác biết đến thì phải thông qua tư cách thành viên mà anh ta thuộc về, thông qua địa vị xã hội, các mối liên kết không thể tách rời giữa anh ta với những người khác.

Chủ nghĩa tự do cho rằng cá nhân là một thực thể tự do, con người là một thực tại siêu hình trong tự nhiên, ít nhất nó là một thực tại siêu hình trong đạo đức học. Quan niệm cá nhân của chủ nghĩa cộng đồng như là công năng, bản chất con người tồn tại trong vai diễn xã hội mà anh ta tham gia. Theo cách nói của MacIntyre, “để trở thành một cá nhân thì phải thực hiện một loạt các vai diễn, mỗi vai đều có ý nghĩa và mục đích riêng: thành viên trong gia đình, công dân của một đất nước, chiến binh, triết gia, tôi tớ của Chúa” (MacIntyre, 1981, tr. 59). Vai diễn mà cá nhân tham gia đóng vai có rất nhiều, một người vừa có thể là anh trai, anh em họ, là cha của những đứa con, và cũng là thành viên của một gia đình, một làng quê, khu phố,... Những vai diễn này không phải là một đặc trưng ngẫu nhiên của cá nhân, mà là bản chất của anh ta, chúng quy định trách nhiệm và nghĩa vụ của anh ta. Trong mạng lưới xã hội này, mỗi người đều có một số vị trí nhất định, thoát khỏi các vị trí này, phân ly khỏi mạng lưới, anh ta không là gì cả.

Trong cộng đồng, mọi người đều nhận ra mình và những người khác thông qua tư cách thành viên. Một mặt, dựa vào cộng đồng để hiểu các cá nhân, cá nhân chỉ có thể đóng một số vai trong xã hội và chỉ có thể được xác định thông qua các vai mà anh ta đóng; mặt khác, các vai xã hội này sẽ tạo nên sợi dây ràng buộc cá nhân vào các cộng đồng mà họ thuộc về, và anh ta buộc phải đảm nhận nhiều vai trò, nghĩa vụ và trách nhiệm khác nhau tương ứng với vai diễn của mình. MacIntyre hiểu con người không chỉ từ phương diện xã hội mà còn từ phương diện lịch sử. Nếu tính xã hội của con người được phản ánh thông qua một mạng lưới các mối quan hệ xã hội theo chiều ngang, thì tính lịch sử phản ánh anh ta theo một mạng lưới các mối quan hệ xã hội theo chiều dọc. Một cá nhân được sinh ra trong quá khứ, kế thừa các truyền thống gia đình, dân tộc, quê hương, đất nước, và thừa hưởng đủ các loại nợ nần, của cải để lại, sự kỳ vọng và nghĩa vụ chính đáng. Những điều này tạo thành sự cho đi của cuộc sống cá nhân và là điểm khởi đầu cho đạo đức. Theo nghĩa này, những điều này làm cho cuộc sống của một người trở nên đặc biệt về mặt đạo đức (MacIntyre, 1981, tr. 220). Chiều lịch sử này mở ra một hướng mới để hiểu về con người: không có lịch sử, đời sống cá nhân không thể được bắt đầu, không có quá khứ thì người ta không thể trưởng thành, không có truyền thống thì đời sống cá nhân chỉ là con thuyền mất hướng trên đại dương bao la, không có mục tiêu và định hướng.

Theo MacIntyre, mọi người đều có sự trùng hợp nhất định về địa vị lịch sử và xã hội. Để hiểu một con người cụ thể, trước tiên phải hiểu về mạng lưới xã hội và mạng lưới lịch sử các mối quan hệ mà anh ta đang sống. Với việc tham chiếu vào mạng lưới các quan hệ xã hội theo chiều ngang và mạng lưới lịch sử theo chiều dọc, địa vị của một con người được xác định với tư cách anh là thành viên của một cộng đồng. Chính vì vậy, những kỳ vọng của cộng đồng, về trách nhiệm và nghĩa vụ mà cộng đồng đã giao phó cho anh ta đã được xác định.

Nếu một cá nhân chỉ có thể tồn tại và được nhận biết thông qua cộng đồng, vậy cộng đồng là gì? MacIntyre không góp phần đưa ra quan niệm hay định nghĩa về cộng đồng, thay vào đó ông chỉ liệt kê cái mà ông cho rằng đó là cộng đồng. Hơn nữa, ở những nơi khác nhau lại có những cộng đồng không giống nhau. Ở một số nơi, cộng đồng được xem là “gia đình, gia tộc, dân tộc, bộ lạc, thành phố, thị trấn, quốc gia” (MacIntyre, 1981, tr. 172); ở một chỗ khác nữa thì cộng đồng là các đội thợ thuyền hành nghề đánh cá, trường học, thậm chí nhỏ hơn

trong một phòng thí nghiệm (MacIntyre, 1998a, tr. 239). Giữa chúng có một sự khác biệt rất lớn, chúng cũng có chức năng khác nhau. Có những cộng đồng được hình thành trên nền tảng huyết thống, lại có những cộng đồng được hình thành trên cơ sở của đời sống thực tiễn, cũng có những cộng đồng hình thành trên cơ sở các hoạt động chính trị. MacIntyre tin rằng, quan trọng nhất trong số này chính là các cộng đồng được hình thành trên cơ sở các hoạt động chính trị - các cộng đồng chính trị. Bởi vì các thành viên được tổ chức theo một hình thức thống nhất, hướng tới mục tiêu chính trị tối đa hóa điều tốt để mang lại càng nhiều điều tốt đẹp cho cộng đồng là càng tốt. Theo quan điểm của MacIntyre, mô hình cộng đồng chính trị theo kiểu này chính là mô hình thành bang của Hy Lạp cổ đại, là một loại đời sống chính trị mà ở đó thành bang hay nhà nước luôn quan tâm đến một điều tốt đặc biệt - lòng tốt của con người (MacIntyre, 1988, tr. 33-34).

Mặc dù MacIntyre tin rằng cộng đồng chính trị là quan trọng nhất, và mô hình đặc biệt của cộng đồng này chính là thành bang Hy Lạp cổ đại, nhưng ông lại phủ nhận mô hình nhà nước hiện đại là cộng đồng, (MacIntyre, 1994, tr. 330) tất nhiên trong đó đã bao gồm các nền dân chủ tự do (MacIntyre, 1998a, tr. 241). Quan điểm này đã tạo ra nhiều rắc rối đối với ông, quan niệm về cộng đồng và nhà nước của ông được đặt trong một mối quan hệ căng thẳng. Một mặt, chủ nghĩa cộng đồng nên dựa trên nền tảng các cộng đồng chính trị, nhưng những cộng đồng mà đã MacIntyre liệt kê lại không có cộng đồng nào mang màu sắc chính trị. Mặt khác, dù rằng các quốc gia hiện đại mang bản chất chính trị, nhưng ông cho rằng đó không phải là cộng đồng. Quan điểm như vậy đã đẩy cộng đồng của MacIntyre vào thế đã mất đi chỗ đứng vững chắc của mình. Bởi vì nó không được xây dựng trên cái được gọi là cộng đồng (vì chúng không phải là cộng đồng chính trị) hoặc kiến lập trên nền tảng quốc gia (bởi vì đó cũng không hoàn toàn được xem là cộng đồng).

4. Lý luận đạo đức và quan niệm về điều tốt

Nếu như việc chúng ta hiểu về mối quan hệ giữa cá nhân và cộng đồng như là một dấu hiệu để phân biệt giữa chủ nghĩa cộng đồng và chủ nghĩa tự do, thì việc làm thế nào để hiểu về mối quan hệ giữa quyền và điều tốt là một dấu hiệu khác để tiếp tục phân biệt giữa chúng. Đối với chủ nghĩa tự do, quyền luôn được ưu tiên, bởi vì cá nhân phải chịu sự ràng buộc của quyền trong quá trình theo đuổi điều tốt, do đó quyền được ưu tiên hơn so với điều tốt. Còn đối với chủ nghĩa cộng đồng thì cho rằng điều tốt cần được ưu tiên. Bởi theo họ, quyền là phương tiện để giải thích điều tốt và nó không là gì khác ngoài việc là một công cụ tốt nhất để đạt được điều tốt, nên theo họ điều tốt cần được ưu tiên hơn quyền. Trong triết học đạo đức MacIntyre, điều tốt có vị trí cao nhất, đức tính con người giữ vị trí thứ hai, và quyền chỉ có thể đứng ở vị trí thứ ba.

Nhưng cần phải lưu ý rằng, quan niệm về điều tốt mà những nhà cộng đồng chủ nghĩa nói đến là khác với những người theo chủ nghĩa tự do. Điều tốt của chủ nghĩa cộng đồng là điều tốt cộng đồng (lợi ích chung), trong khi điều tốt của chủ nghĩa tự do là điều tốt cho cá nhân (lợi ích cá nhân). Bởi giữa họ có quan niệm khác nhau về điều tốt, cho nên những tuyên bố giữa họ về điều tốt là không tương thích. Có thể sử dụng một logic như sau: Điều tốt cộng đồng được ưu tiên hơn quyền cá nhân, quyền cá nhân được ưu tiên hơn điều tốt cá nhân. Nhưng chủ nghĩa tự do sẽ không chấp nhận về đầu trật tự này, vì họ luôn phủ nhận sự tồn tại điều tốt của cộng đồng; và chủ nghĩa cộng đồng cũng sẽ bác bỏ nửa sau của trật tự này bởi họ tin điều tốt cộng đồng luôn có mối liên hệ mật thiết với điều tốt của cá nhân.

Chủ nghĩa cộng đồng đặt điều tốt lên vị trí ưu tiên hàng đầu, đây chưa phải là một vấn đề. Mà vấn đề ở đây là điều tốt đến trước là điều tốt cộng đồng chứ không phải là điều tốt cá nhân. Chủ nghĩa cộng đồng nhấn mạnh đến cộng đồng. Vậy điều tốt cá nhân là gì? Câu trả lời thật dễ dàng và rõ ràng: một cá nhân theo đuổi những gì mà anh ta cho là tốt với anh ta,

và những cá nhân khác nhau sẽ theo đuổi những điều tốt không giống nhau. Điều tốt cộng đồng là gì? Cộng đồng theo đuổi mục đích gì? Trả lời cho câu hỏi này là rất khó, chính vì vậy chủ nghĩa tự do đã phủ nhận điều tốt cộng đồng, đồng thời tìm cách bác bỏ chủ nghĩa cộng đồng thông qua câu hỏi này.

Nếu MacIntyre đặt điều tốt lên hàng đầu, và điều tốt đến trước phải là điều tốt cộng đồng. Thì tiếp sau đó ông cần phải trả lời rõ ràng câu hỏi: điều tốt cộng đồng là gì.

Trong nhiều bài viết của MacIntyre, ông đã có những tuyên bố khác nhau về điều tốt cộng đồng. Trong nhiều tuyên bố này, chúng ta có thể tóm tắt về hai khái niệm cơ bản: (i) điều tốt nhất (highest good); (ii) điều tốt cộng đồng (common good). Một trong hai quan niệm này dường như đang có vấn đề, MacIntyre dường như đang lưỡng lự giữa hai khái niệm này. Về khái niệm đầu tiên, MacIntyre đã có những cách gọi khác, chẳng hạn như điều tốt nhất, điều tốt toàn diện (overall), điều tốt cuối cùng hay là điều tốt tối hậu (supreme good) hoặc là lòng tốt của Chúa (goodness of God)... (MacIntyre, 1988, tr. 44). Bài viết này sử dụng thuật ngữ “điều tốt nhất” để diễn đạt. MacIntyre có hai kiến giải về điều tốt nhất. Một là đến từ Aristotles, khi Aristotles coi sự thịnh vượng và hạnh phúc của nhân loại chính là điều tốt nhất của con người. Tuy nhiên, MacIntyre đã có những do dự nhất định đối với kiến giải này của Aristotles. Trong “After Virtue”, MacIntyre đã liên hệ giữa điều tốt cao nhất với tính mục đích của Aristotles, và tin rằng với các học thuyết đạo đức khác nhau sẽ có sự khác biệt sâu sắc về sự thịnh vượng và hạnh phúc, chính vì vậy ông đã cự tuyệt việc thừa nhận điều tốt cao nhất chính là sự thịnh vượng và hạnh phúc của nhân loại. Tuy nhiên trong nhiều bài viết tiếp theo, đặc biệt là “Công lý của ai?”, “Thế nào là hợp lý?”,... ông đã lại thừa nhận quan điểm rằng sự thịnh vượng và hạnh phúc của nhân loại là điều tốt cao nhất.

Vì có sự do dự trong kiến giải đầu tiên, MacIntyre đã đề xuất kiến giải thứ hai. Ông cho rằng, phải có một lý do dành cho sự tồn tại của cộng đồng, và lý do hợp lý duy nhất là tạo ra và duy trì một hình thức của đời sống chung. Hình thức chung sống này của cộng đồng không chỉ tích hợp những điều tốt đẹp trong đời sống thực tiễn khác nhau để biến chúng thành một thể thống nhất, mà còn cung cấp mục đích (telos) cho cộng đồng, và mục đích này vượt xa tất cả các loại điều tốt có được trong thực tế. Hình thức cuộc sống chung với tính mục đích như vậy là điều tốt nhất (MacIntyre, 1998b, tr. 123). Theo nghĩa này, nếu hỏi điều gì là tốt nhất? chính là đi hỏi cách sống tốt nhất cho cộng đồng là gì?

Điều tốt nhất không chỉ cung cấp mục đích cho cộng đồng theo đuổi mà nó còn cung cấp tiêu chuẩn để sắp xếp các điều tốt đặc biệt. Tuy nhiên, quan niệm điều tốt nhất này có một số vấn đề khá nổi bật. Trước hết, quan niệm này xuất phát từ Aristotles, cho nên chắc chắn nó mang sắc màu siêu hình học và đạo đức học, khi mà siêu hình học và đạo đức học của ông khó nhận được lòng tin. Thứ hai, ngay cả khi điều tốt nhất phù hợp với sự thịnh vượng và hạnh phúc của con người hoặc đời sống tốt của cộng đồng thì nó cũng chỉ phù hợp với loại hình cộng đồng chính trị, thành phố hoặc quốc gia, không phù hợp với các cộng đồng dựa trên các hình thức thực tiễn khác, chẳng hạn như cộng đồng trường học, hội nghề cá... Cuối cùng, một trong những chức năng của điều tốt nhất là sắp xếp các điều tốt đặc biệt, phân loại thứ hạng hoặc mức độ ưu tiên của chúng, nhưng do điều tốt đặc biệt tương ứng với một tầng lớp cụ thể, thuộc về một nhóm cụ thể. Do đó, điều tốt có sự khác nhau ở mức độ cao thấp. Nói cách khác, nếu thứ hạng của điều tốt là thứ hạng của mọi người, thì cộng đồng mà MacIntyre thực hiện là một đẳng cấp quý tộc.

Điều tốt nhất là hành động tốt của cộng đồng, nhưng nó vẫn tồn tại hạn chế hay nhược điểm. Cho nên MacIntyre đã đưa ra một quan niệm khác về điều tốt, đó là điều tốt cộng đồng hay là lợi ích chung. Lợi ích chung là gì? Theo sự kiến giải của MacIntyre thì trong một số cộng

đồng xã hội, tất cả các thành viên (chẳng hạn như các thành viên của gia đình, hội đánh cá, câu lạc bộ...) đều có chung một mục tiêu hướng tới là điều tốt cộng đồng (MacIntyre, 1998a, tr. 239).

Nếu điều tốt cộng đồng là mục tiêu của một xã hội nhất định thì các lý thuyết đạo đức khác (chủ nghĩa thực dụng, chủ nghĩa tự do đương đại) cũng có thể nhận biết được điều tốt cộng đồng này. Vì vậy, để phân biệt với các học thuyết đạo đức khác, MacIntyre cần phải phân biệt về các quan niệm về điều tốt cộng đồng. Một loại điều tốt cộng đồng của chủ nghĩa cá nhân: điều tốt cộng đồng là tổng các điều tốt của cá nhân đang theo đuổi, bởi vì chính xã hội là công cụ để những cá nhân này đạt được mục đích riêng tư của họ. Cái khác là điều tốt cộng đồng của chủ nghĩa cộng đồng: điều tốt cộng đồng không phải là tổng số điều tốt cá nhân, cũng không phải là điều tốt của cá nhân. Nó không chỉ có được thông qua các hoạt động tập thể và sự hiểu biết chung, mà quan trọng hơn, chúng được tạo thành từ trong hoạt động tập thể và sự hiểu biết chung, chẳng hạn như điều tốt của đội đánh cá, gia đình, nhóm các nhà khoa học... (MacIntyre, 1998a, tr. 240)

Vấn đề quan trọng nhất là cái mà MacIntyre gọi là điều tốt cộng đồng là tính cấu thành. Theo đó, điều tốt cộng đồng không chỉ được cấu thành từ tập thể và sự hiểu biết chung, mà trong điều tốt cộng đồng này, điều tốt của mỗi cá nhân gắn liền với những đóng góp của anh ta cho điều tốt cộng đồng. Theo quan niệm điều tốt cộng đồng này, nhận ra điều tốt của tôi là gì và cách sống tốt nhất cho tôi là gì sẽ không thể tách rời việc xác định đâu là điều tốt cộng đồng và đâu là phương thức sống tốt đẹp nhất cho cộng đồng. Nếu các điều tốt riêng tư mà các cá nhân theo đuổi không tách rời điều tốt cộng đồng của cộng đồng thì khi đó điều tốt của tôi và điều tốt của bạn đã đạt được sự nhất trí (sự thống nhất trong chính thể), tôi sẽ không xung đột với bạn trong quá trình theo đuổi điều tốt, chúng ta đều là thành viên của một cộng đồng, chúng ta có cùng chung điều tốt.

Giống như quan niệm về điều tốt nhất. Quan niệm về điều tốt cộng đồng cũng gặp phải một số khó khăn chưa thể vượt qua: (1) Nếu điều tốt nhất chỉ phù hợp với các cộng đồng chính trị, ví dụ như sự thịnh vượng của con người không thể là mục đích của một câu lạc bộ âm nhạc. Thì hạn chế của điều tốt cộng đồng chỉ phù hợp với các cộng đồng thực tiễn khác nhau, ví dụ: việc trồng các loại rau là mục đích của nhóm các nhà khoa học làm việc tại phòng thí nghiệm, đó không phải là mục đích của một cộng đồng chính trị; (2) Ngay cả một cộng đồng nhất định (phòng thí nghiệm) có mục đích chung (điều tốt cộng đồng), mục đích chung này vẫn không đủ để loại bỏ các xung đột điều tốt giữa các thành viên riêng lẻ. Nói theo cách khác, tôi với tư cách là một nhà khoa học đang theo đuổi điều tốt (trở thành người phát minh ra một giống rau mới có năng suất cao) có thể mâu thuẫn với điều tốt của bạn (vì bạn cũng muốn trở thành một nhà phát minh, một nhà khoa học).

5. Lý thuyết công lý và nguyên tắc phân phối công lý

Trong quan điểm triết học chính trị của những nhà cộng đồng chủ nghĩa, bất luận là cá nhân hay cộng đồng thì ý nghĩa về điều tốt luôn được ưu tiên hàng đầu. Nếu điều tốt được đặt ở vị trí thứ nhất, thì chúng ta phải làm thế nào để có thể phân bổ được điều tốt là một vấn đề quan trọng, và điều này liên quan đến lý thuyết về công lý. Mặc dầu lý thuyết công lý có nội hàm khá rộng lớn, nhưng đối với MacIntyre và các nhà cộng đồng chủ nghĩa thì công lý là vấn đề làm thế nào để phân phối điều tốt. Bởi vì chủ nghĩa tự do là trào lưu chủ yếu và có ảnh hưởng lớn nhất trong xã hội đương đại. Do đó, MacIntyre muốn thiết lập một lý thuyết công lý cho chủ nghĩa cộng đồng. Đầu tiên ông tham gia vào cuộc phê phán quan điểm của chủ nghĩa tự do về công lý. MacIntyre đã đưa ra hai nhân vật mang tính giả thuyết là A và B khi thảo luận về công lý, thông qua hai nhân vật này, ông đã mở rộng cuộc tranh luận, tiến hành chỉ trích chủ nghĩa tự do và quan điểm về công lý của họ. A là ông chủ của một cửa hàng nhỏ (hoặc là một sĩ quan cảnh sát, hoặc là một công nhân xây dựng), anh ta muốn tiết kiệm một

phần tiền trong thu nhập từ công việc vất vả và nặng nhọc của mình để mua một căn nhà nhỏ, gửi con vào học một trường đại học địa phương và trả các chi phí chăm sóc y tế cho cha mẹ đã già. Hiện nay, anh ta nhận thấy rằng tất cả các chính sách tăng thuế đang đe dọa đến việc thực hiện kế hoạch này. Anh ta coi mối đe dọa này đối với kế hoạch của mình là một sự bất công, anh ta cho rằng anh ta có quyền đối với những gì anh ta kiếm được, và không ai có quyền tước đi những gì anh ta có được một cách hợp pháp, ngay cả dưới danh nghĩa là thuế. B là một người làm việc tự do (một nhân viên xã hội hoặc là một người có thừa kế), ông ta thấy sự bất bình đẳng và độc đoán trong việc phân phối của cải, thu nhập và cơ hội. Ông càng thấy rằng, sự bất bình đẳng này sẽ khiến cho người nghèo càng nghèo đi và không có cách nào để cải thiện được tình trạng đó. Ông ấy coi đây chính là một sự bất công. Nhưng ông ấy cũng tin rằng các loại thuế có thể được sử dụng để hỗ trợ cho các dịch vụ xã hội và phúc lợi xã hội, nghĩa là thực hiện quá trình phân phối lại theo yêu cầu bởi công lý.

A chủ trương, việc đạt được các quyền hợp pháp như là một nguyên tắc của công lý sẽ góp phần thiết lập các giới hạn về khả năng phân phối lại. Nếu như nguyên tắc công lý này là tạo ra bất bình đẳng, thì việc chấp nhận một sự bất bình đẳng như vậy được coi như một cái giá cần thiết phải trả vì công lý. B chủ trương, nguyên tắc phân phối công lý chỉ đặt ra các giới hạn đối với quyền thiết lập tính hợp pháp và đặt ra giới hạn về quyền. Nếu việc áp dụng nguyên tắc phân phối công lý này có gây cản trở cho khả năng giành được các quyền được cho là hợp pháp trong xã hội hiện tại, thì việc chấp nhận một giới hạn như vậy cũng là cái giá phải trả vì công lý. Điều đáng chú ý là việc thực thi công lý của hai bên đều đòi hỏi sự trả giá của đối phương. MacIntyre chỉ ra thêm rằng, các nguyên tắc công lý mà cả A và B đề xuất không chỉ không tương thích trong thực tế mà sự đối lập giữa hai bên là không thể giải quyết được một cách hợp lý. A muốn xây dựng quan niệm công lý trên phương diện quyền, còn B muốn xây dựng quan niệm công lý trên phương diện bình đẳng. Đối với việc ký định tài sản hoặc tài nguyên, A chủ trương, công lý mà anh ta đang sở hữu, là do anh ta kiếm được hoặc giành được một cách hợp pháp; B chủ trương, công lý nằm ở việc trao nó cho người khác, bởi họ cần nó. MacIntyre cho rằng, cuộc tranh luận giữa quyền pháp lý và nhu cầu bình đẳng không thể được giải quyết trong nền văn hóa đương đại, bởi vì không có tiêu chuẩn nào để đánh giá quan niệm công lý bất công này (MacIntyre, 1981, tr. 244).

Rõ ràng rằng, MacIntyre đã sử dụng sự đối lập giữa A và B để mô phỏng cuộc tranh luận giữa R. Nozick và J. Rawls (A là R. Nozick, B là J. Rawls). MacIntyre cho rằng, cuộc tranh luận giữa R. Nozick và J. Rawls thể hiện sự không thống nhất trên phương diện triết học chính trị trong đời sống hằng ngày, và cuộc tranh luận trên phương diện triết học giữa họ đã tái tạo ra “tính không tương thích” và “tính không tương xứng”, chính điều này đã làm cho tranh chấp giữa A và B không thể được giải quyết được trong thực tiễn xã hội. Tuy nhiên, MacIntyre cho rằng vị trí của A và B là không hoàn toàn giống với vị trí của R. Nozick và J. Rawls, trong chủ trương giữa A và B có một yếu tố mà cả R. Nozick và J. Rawls đều bỏ qua – cái xứng đáng (cái nên có hay cần có - desert). A và B đều dựa vào nền tảng của quyền để giải thích công lý: A không chỉ nói lên quan điểm của mình rằng anh ta có quyền với tất cả những gì anh ta có được, mà anh ta còn cho rằng để đạt được điều đó anh ta phải trải qua quá trình làm việc đầy vất vả, chính vì vậy anh ta xứng đáng với điều đó; B đại diện cho quan điểm của những người nghèo khó và bị bóc lột, anh ta nói rằng nghèo khó và túng thiếu đến với anh ta là điều không mong muốn, do đó, tình trạng mà anh ta đang phải đối diện là bất công, không có lý do gì mà họ phải sống như vậy. Chính vì vậy mà MacIntyre cho rằng, lập luận của R. Nozick và J. Rawls về công lý và quyền đều không có những cân nhắc về vị trí nền tảng và thậm chí là bất kỳ vị trí nào trong những lập luận có liên quan đến công lý và bất công.

MacIntyre đề xuất, nguyên tắc phân phối công lý là một kiểu sắp xếp cho mỗi người, bao gồm bản thân anh ta và những thứ anh ta xứng đáng có được. Nguyên tắc này trái ngược với nguyên tắc bình đẳng của J. Rawls và nguyên tắc quyền lợi của R. Nozick. Nguyên tắc phân phối cái xứng đáng này xuất phát từ quan niệm của Aristotles khi ông cho rằng công lý nghĩa là cho con người những gì mà họ xứng đáng, và bất công là cái không nên có, mà cái không nên có xuất hiện trong hai tình huống: (1) một người không có được những cái mà anh ta nên có, và (2) một người nhận được nhiều hơn cái anh ta nên có (MacIntyre, 1988, tr. 193).

Trong nguyên tắc phân phối cái xứng đáng, MacIntyre đưa ra ba vấn đề cơ bản. Đầu tiên, MacIntyre cho rằng chủ nghĩa tự do đã gạt bỏ nguyên tắc ai xứng đáng với cái gì trong phân phối công lý. Cái xứng đáng là những gì mà người ta nhận được có liên quan đến việc làm (hành vi) trong quá khứ của anh ta, tức là, thu nhập kiếm được của một người đúng bằng với những đóng góp của anh ta trong quá khứ. Theo quan điểm của MacIntyre, những nhà tự do chủ nghĩa đã tiến hành gạt bỏ nguyên tắc này theo những cách khác nhau: Theo J. Rawls thì công lý là công bằng. MacIntyre cho rằng đây là loại nguyên tắc chỉ xem xét ở tương lai (sự vật được phân phối đi đâu) mà không xem xét trong quá khứ (nơi tồn tại của sự vật được phân phối); nguyên tắc công lý của R. Nozick là quyền, loại nguyên tắc này chỉ xem xét ở hiện tại (ai có quyền gì) để bảo vệ tài sản tư nhân, nó cũng loại bỏ cái nên có. Thứ hai, quan niệm ai xứng đáng với điều gì và cộng đồng có sự liên kết chặt chẽ. Giống với quan niệm của Aristotle, ai xứng đáng với cái gì được coi là nguyên tắc phân phối công lý nhằm đảm bảo tính công bằng, được áp dụng cho cộng đồng trong xã hội cổ đại. MacIntyre cho rằng, quan niệm về ai xứng đáng với điều gì chỉ có thể áp dụng trong một xã hội như vậy, tức là mọi người có nhận thức chung về điều tốt cá nhân và điều tốt cộng đồng, và tất cả mọi người đều hướng đến những điều tốt đẹp để xác định các điều tốt cơ bản của họ. Hơn nữa, chủ nghĩa tự do không có quan niệm này nên họ không thể có nguyên tắc ai xứng đáng với điều gì, họ cũng không có một nguyên tắc công lý thực chất, mà chỉ có nguyên tắc công lý theo thủ tục (theo thể thức) về sự bình đẳng hoặc quyền. Cuối cùng, quan niệm ai xứng đáng với điều gì đang nằm ở vị trí cận biên của sự suy giảm không ngừng trong xã hội hiện đại. Theo quan điểm của MacIntyre, chỉ có trong cộng đồng thì chúng ta mới có thể sở hữu và theo đuổi điều tốt cộng đồng, và ai xứng đáng với điều gì sẽ được xác định trong quá trình theo đuổi điều tốt cộng đồng này. Quá trình phát triển hiện đại hóa đã xóa bỏ cộng đồng xã hội cổ đại, và quan niệm ai xứng đáng với điều gì cũng đang dần suy giảm. Do đó, hiện tại quan niệm này chỉ tồn tại trong một số cộng đồng có mối gắn kết lịch sử sâu sắc trong quá khứ, chẳng hạn như người Công giáo ở Ireland, người Chính thống giáo ở Hy Lạp hay người Do Thái giáo... Nói cách khác, quan niệm công lý được cho là chính thống hiện nay ở phương Tây là bình đẳng, là lẽ phải, quyền hoặc lợi ích... và quan niệm ai xứng đáng với điều gì chỉ còn sót lại bên cạnh họ.

Ba lập luận của MacIntyre nhằm mục đích chống lại chủ nghĩa tự do và có một số ý nghĩa nhất định. Tuy nhiên, khi phân tích sâu thì chúng ta thấy nó đang tồn tại một số vấn đề như sau:

(1) MacIntyre tin rằng các nhà tự do chủ nghĩa (R. Nozick và J. Rawls) lấy bình đẳng hoặc quyền làm nguyên tắc cho công lý, điều này là chính xác. Nhưng ông đã không đúng khi khẳng định rằng họ đã gạt bỏ nguyên tắc ai xứng đáng với điều gì trong phân phối công lý. Bởi trong lý thuyết của R. Nozick và J. Rawls đều có chỗ đứng cho nguyên tắc này: chẳng hạn, trong lý thuyết công lý của J. Rawls, nguyên tắc ai xứng đáng với điều gì được thể hiện trong những gì mà J. Rawls gọi là sự kỳ vọng pháp lý, còn lý thuyết công lý của R. Nozick thì nó lại được phản ánh trong tư cách cá nhân.

(2) MacIntyre cho rằng nguyên tắc ai xứng đáng với điều gì đang bị suy giảm không ngừng trong xã hội hiện đại, điều này là không chính xác. Bởi xã hội hiện đại đang vận hành nền kinh tế thị trường tự do, mà thị trường chỉ chiếu theo những đóng góp của chúng ta, đó là cái nên có. Nói cách khác, quan niệm ai xứng đáng với điều gì không những không suy giảm

mà còn đạt đến đỉnh cao (D. Miler, 1994: 257). Chính vì nền kinh tế thị trường hiện đại thực hiện nguyên tắc ai xứng đáng với cái gì, nên các nhà triết học chính trị đương thời đề xuất nguyên tắc bình đẳng để cải sửa nó, vì theo họ, phân phối theo nguyên tắc ai xứng đáng với điều gì này sẽ dẫn đến bất bình đẳng.

(3) MacIntyre tạo ra sự gắn kết giữa nguyên tắc ai xứng đáng với điều gì với chủ nghĩa cộng đồng, điều này phù hợp với quan điểm cộng đồng của ông. Tuy nhiên, quan niệm này xuất phát từ thời Hy Lạp cổ đại, trong khi ở hy Lạp thời cổ đại thì quan niệm về cái nên có lại có nhiều nghĩa khác nhau, có lúc dùng để nói về xuất thân (huyết thống), lúc thì dùng để chỉ về địa vị (quý tộc), có lúc dùng để nói về đạo đức, và tất cả những ý nghĩa này lại rất khác với ý nghĩa hiện tại của chúng. Nếu MacIntyre gắn quan niệm ai xứng đáng với điều gì với cộng đồng thì quan niệm này sẽ đúng nhất với ý nghĩa đạo đức cần có. Vì lý do này mà các nhà tự do chủ nghĩa không muốn sử dụng thuật ngữ cái cần có hoặc cái nên có trong lý luận công lý của họ, thay vào đó họ sử dụng thuật ngữ *sự kỳ vọng pháp lý* hoặc là *tư cách* công dân.

6. Kết luận

Cùng với các nhà triết học như: M. Sandel, Charles Taylor và Amitai Etzioni, Alasdair MacIntyre đã có những đóng góp nhất định trong việc xây dựng và định hình trào lưu triết học chủ nghĩa cộng đồng trong những năm 1970, và trở thành nhà triết học chính trị có tầm ảnh hưởng lớn ở phương Tây đương đại. Trong toàn bộ lý luận triết học chính trị của MacIntyre, lý luận về cộng đồng là quan trọng nhất, là lăng kính để đi vào khám phá toàn bộ chủ nghĩa cộng đồng của riêng ông. Đặc biệt, MacIntyre đã có những chỉ trích không khoan nhượng đối với chủ nghĩa tự do (điển hình là J. Rawls) và khẳng định cần phải ưu tiên điều tốt hơn công lý, điều tốt chính là mục đích duy nhất được ưu tiên. Trong quan điểm về công lý, ông đề nguyên tắc công bằng trong phân phối và chống lại quan điểm của J. Rawls – Công lý là công bằng, thực chất quan điểm phân phối mà MacIntyre sử dụng chính là quan điểm phân phối “ai xứng đáng với cái gì” của Aristotle, chính vì vậy mà nhiều người gọi ông là người có công phục hưng trở lại chủ nghĩa cộng đồng cổ điển. Tuy nhiên, quan điểm cộng đồng của ông cũng vấp phải một số hạn chế nhất định. Trong toàn bộ lý luận về cộng đồng, MacIntyre chưa định nghĩa được cộng đồng là gì? thay vào đó ông chỉ liệt kê các loại cộng đồng trong thực tiễn. Hơn nữa, ông coi trọng cộng đồng chính trị nhưng lại từ chối mô hình nhà nước hiện đại ngày nay không phải là cộng đồng.

Tài liệu tham khảo

- MacIntyre, A. (1981). *After virtue*. University of Notre Dame Press.
- MacIntyre, A. (1988). *Whose Justice? Which Rationality?*. University of Notre Dame Press.
- MacIntyre, A. (1994). A Partial Response to My Critics. *After MacIntyre, edited by John Horton and Susan Mendus*. Cambridge: Polity Press.
- MacIntyre, A. (1998). *A Short History of Ethics*. University of Notre Dame Press.
- MacIntyre, A. (1998a). Politics, Philosophy and the Common Good. *In the MacIntyre Reader, edited by Kelvin Knight*. University of Notre Dame Press.
- MacIntyre, A. (1998b). Practical Rationalities as Social Structures. *The MacIntyre Reader, edited by Kelvin Knight*. University of Notre Dame Press.
- Michael, S. (1982). Liberalism and the Limits of Justice. *Cambridge University*, 55-57.
- Miler, D. (1994). Virtus, Practices and Justice. *After MacIntyre, edited by John Horton and Susan Mendus*. Cambridge: Polity Press.
- Nozick, R. (1974). *Anarchy State and Utopia*. Basic books.
- Walzer, M. (1990). The communitarian critique of liberalism. *Political theory*, 18(1), 6-23.